

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Việt;

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020; Thông báo thời gian xét xử số 45/TB - TA, ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2019, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Thùy T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tấn D có tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 17/02/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh D bất đồng quan điểm về mọi phương diện nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Đến tháng 2/2018 chị ôm con về bên nhà mẹ đẻ ở thôn P, thị trấn C, huyện N để sinh sống, từ đó chị và anh D sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay, chị cảm thấy giữa chị và anh D không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh D có một con chung tên Nguyễn Biện Khánh T, sinh ngày 11/12/2016, hiện nay con đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa có, không yêu cầu.

*Bị đơn anh Nguyễn Tấn D:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Nguyễn Tấn D nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành đúng quy định pháp luật của nguyên đơn. Riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Tấn D; giao con chung Nguyễn Biện Khánh T, sinh ngày 11/12/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn là anh Nguyễn Tấn D các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh D đều không có mặt theo Thông báo và giấy triệu tập của Tòa.

Mặc dù, anh D biết Tòa án đang giải quyết vụ án dân sự ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải

quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, anh D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn D.

## **[2] Về nội dung:**

### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Lê Thị Thùy T và anh Nguyễn Tấn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17 tháng 02 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh D không có trách nhiệm với vợ con nên từ tháng 02/2018 chị T đã ôm con bỏ về bên nhà mẹ đẻ sống và thực tế anh chị không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài là vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, tình trạng hôn nhân của chị T, anh D đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Biện Khánh T, sinh ngày 11/12/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

HĐXX xét thấy, Chị T đang nuôi các con ổn định, con còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu, trong khi đó anh D không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, nguyện vọng tiếp tục được nuôi con của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

*Về cấp dưỡng cho con:* Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Vì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị T phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ xong.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T.**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Tấn D.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Biện Khánh T, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*Về cấp dưỡng cho con:* Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Điều không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002502 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Việt**

**Ngô Thị Kim Ngân**

**Nguyễn Thị Bích Vân**